

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2023/HNGĐ-ST**.
Ngày: 11/01/2023.
V/v tranh chấp: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Văn Tâm**;

2. Bà: **Huỳnh Thị Tô**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** – kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 316/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Phi D** – sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh T (có mặt);

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Vũ P** - sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh T (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, nguyên đơn anh Trần Phi D trình bày:

Anh và chị Lê Thị Vũ P cưới nhau vào năm 2018, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường

hay cãi nhau, từ khi chị P sinh con xong bỏ đi đến nay không liên lạc được nên anh và chị P đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Phương N sinh ngày 05/11/2018, hiện cháu đang sống với anh. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Vũ P vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Trần Phi D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Lê Thị Vũ P vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[2] Xét bị đơn chị Lê Thị Vũ P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị P.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: anh D và chị P cưới nhau vào năm 2018, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, từ khi chị P sinh con xong bỏ đi đến nay không liên lạc được nên anh và chị P đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị P không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị P đã được Tòa án

tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị P vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của anh D. Điều đó cho thấy chị P không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến chồng và con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Trần Phi D.

[4] Về con chung: Anh D khai có 01 con chung tên Trần Ngọc Phương N sinh ngày 05/11/2018, hiện cháu đang sống với anh. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh D là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cho anh D được tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Phương N. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con và chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phi D. Anh Trần Phi D được ly hôn với chị Lê Thị Vũ P.

2. Về con chung: Giao anh D được tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Phương N sinh ngày 05/11/2018. Chị Lê Thị Vũ P không phải cấp dưỡng nuôi con và chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Trần Phi D phải chịu 300.000 đồng án phí HNST nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0028090 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên anh D đã nộp xong án phí.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Tuấn